TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa:

-*Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1973

-*Bị đơn*: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Khu 7 (Đ), xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*Chị Đỗ Thị T và anh Hoàng Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1. Về con chung:*Chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 19/9/2000 (cháu T bị khuyết tật bẩm sinh từ nhỏ không đi lại được, không lao động tự túc được) và Hoàng Xuân Q, sinh ngày 15/4/2016 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Đỗ Thị T không yêu cầu. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2.*Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003284ngày 25/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Đỗ Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều của 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS huyện;
-UBND xã C;
-Lưu HS;
-Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng